

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M, ngày 23 tháng 06 năm 2020

Số: 12/2020/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Chim Thị S, sinh năm 1994
Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu;
Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu;
- Bị đơn: Anh Pờ Văn T, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Bản P, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận ngày 15 tháng 06 năm 2020, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY;

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chim Thị S và anh Pờ Văn T.
2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Chim Thị S và anh Pờ Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Chim Thị S và anh Pờ Văn T thỏa thuận, nhất trí giao cho anh Pờ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Pờ Tuấn K, sinh ngày 09 tháng 03 năm 2016 cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Pờ Văn T không yêu cầu chị Chim Thị S phải cấp dưỡng.

Về quyền thăm nom: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Chim Thị S và anh Pờ Văn T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Chị Chim Thị S và anh Pờ Văn T không vay, nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Chim Thị S phải nộp 75.000 đồng, anh Pờ Văn T phải nộp 75.000 đồng. Chị S và anh T thỏa thuận, nhất trí chị Chim Thị S nộp cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện M, tỉnh Lai Châu theo biên lai số: AA/2010/0003857 ngày 03 tháng 06 năm 2020. Trả lại cho chị Chim Thị S 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- UBND xã Bum Nưa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lò Thị Chiến